

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ PTNT
TRƯỜNG ĐẠI HỌC NÔNG LÂM BẮC

DANH SÁCH THÍ SINH TRÚNG TUYỂN THEO KẾT QUẢ THI THPT QUỐC GIA

Ghi chú: Thí sinh xác nhận nhập học bằng cách nộp giấy chứng nhận kết quả thi bản gốc trước 17 giờ ngày 15/8/2019 (tính theo dấu bưu điện)

Số điện thoại liên hệ: 0977.613.688

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Đối tượng	Khu vực
1	28011687	ĐÀO THỊ TÚ ANH	16/03/2001	Nữ	Kế toán	A00	18.7	TO	6.2	LI	5.25	HO	6.5		1
2	43004510	NGUYỄN THỊ THỰC ANH	01/09/2001	Nữ	Kế toán	D01	16.35	TO	5.2	VA	7	N1	3.4		1
3	15001082	PHAN DUY ANH	15/04/2001	Nam	Chăn nuôi	D01	15.15	TO	5.8	VA	4.5	N1	4.6		2
4	14000020	THÂN THỊ QUỲNH ANH	09/11/2001	Nữ	Kế toán	D01	16.15	TO	4.2	VA	6	N1	5.2		1
5	18004644	NGUYỄN THỊ ÁNH	03/07/2001	Nữ	Công nghệ thực phẩm	D01	13.45	TO	3.4	VA	5.5	N1	3.8		1
6	18014559	HOÀNG THỊ BÌNH	27/06/2001	Nữ	Kế toán	D01	18.9	TO	7	VA	6	N1	5.4		2NT
7	18018991	NGUYỄN THỊ QUẾ CHI	21/05/2001	Nữ	Khoa học cây trồng	D01	13.1	TO	4	VA	6.25	N1	2.6		2
8	05002112	DƯƠNG VIỆT CƯỜNG	01/09/2001	Nam	Khoa học cây trồng	D01	16.65	TO	5.2	VA	4.5	N1	6.2		1
9	18010266	VŨ MẠNH CƯỜNG	17/06/2001	Nam	Chăn nuôi	D01	13.25	TO	3.8	VA	5.5	N1	3.2		1
10	18004662	GIÁP THỊ DUNG	25/04/2001	Nữ	Công nghệ thực phẩm	D01	14.6	TO	4.8	VA	5.25	N1	3.8		1
11	18001071	VI THỊ DUNG	25/03/2001	Nữ	Kế toán	D01	16.15	TO	3.8	VA	6	N1	3.6	01	1
12	18018494	TỔNG THÙY DƯƠNG	19/08/2001	Nữ	Kế toán	D01	17.3	TO	6.4	VA	7.25	N1	3.4		2
13	16009093	BÙI MINH ĐỨC	08/11/2001	Nam	Chăn nuôi	D01	15.5	TO	5.6	VA	6	N1	3.4		2NT
14	18008189	HOÀNG ĐỨC GIANG	03/01/2001	Nam	Công nghệ thực phẩm	D01	14.58	TO	6	VA	4.83	N1	3		1
15	18001152	PHAN THỊ HÀ	19/05/2001	Nữ	Công nghệ thực phẩm	D01	19.8	TO	6.6	VA	6.25	N1	4.2	01	1
16	18018541	LÊ THỊ HỒNG HẠNH	09/11/2001	Nữ	Kinh tế	D01	15.65	TO	5	VA	7	N1	3.4		2
17	19002086	NGUYỄN THỊ HẠNH	04/11/2001	Nữ	Chăn nuôi	D01	13.05	TO	5	VA	5	N1	2.8		2
18	21016892	NGUYỄN THỊ HẠNH	05/02/2001	Nữ	Thú y	D01	15.3	TO	4.8	VA	7	N1	3		2NT
19	18015602	ĐÀO THU HẰNG	30/10/2001	Nữ	Kế toán	D01	13.55	TO	4.6	VA	6	N1	2.2		1
20	18019117	BÙI THỰC HIỀN	01/06/2001	Nữ	Kế toán	D01	16.15	TO	4.6	VA	6.5	N1	4.8		2
21	18019122	NGUYỄN THỊ HIỀN	17/04/2001	Nữ	Công nghệ thực phẩm	B00	13.2	TO	4.2	HO	4.5	SI	4.25		2
22	18005750	HÀ MINH HOÀNG	26/12/2001	Nam	Khoa học cây trồng	D01	18.1	TO	5.8	VA	5.75	N1	3.8	01	1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Đối tượng	Khu vực
23	18014019	LÊ HUY HOÀNG	20/08/2001	Nam	Kế toán	D01	16.2	TO	5.4	VA	5.5	N1	4.8		2NT
24	06001108	NÔNG THỊ HUỆ	12/04/2000	Nữ	Kế toán	D01	16.4	TO	4.2	VA	6.25	N1	3.2	01	1
25	18017942	LÊ GIA HUY	11/07/2001	Nam	Kinh tế	D01	21.05	TO	6.6	VA	6	N1	8.2		2
26	10008579	LƯƠNG THỊ HUYỀN	18/06/2001	Nữ	Chăn nuôi	B00	17.05	TO	5.8	HO	3.75	SI	4.75	01	1
27	15003560	LÊ DUY HÙNG	28/10/2001	Nam	Thú y	B00	17.95	TO	7.2	HO	5	SI	5		1
28	01040899	DƯƠNG THỊ QUỲNH HƯƠNG	12/02/2001	Nữ	Kế toán	D01	19.7	TO	6	VA	6.75	N1	4.2	01	1
29	62000795	TRẦN QUỲNH HƯƠNG	20/02/2001	Nữ	Thú y	B00	15.05	TO	4.8	HO	3.25	SI	4.25	01	1
30	10001965	LINH NGỌC KHANH	19/02/2001	Nam	Quản lý đất đai	D01	14.6	TO	2.8	VA	5.25	N1	3.8	01	1
31	10005708	LƯƠNG THỊ KIM	30/04/2001	Nữ	Công nghệ thực phẩm	D01	17.15	TO	4.4	VA	6	N1	4	01	1
32	18011480	NGUYỄN THỊ HỒNG LỆ	21/03/2001	Nữ	Quản lý đất đai	B00	15.6	TO	6.6	HO	3.75	SI	4.75		2NT
33	18010921	ĐẶNG THỊ MỸ LINH	04/01/2001	Nữ	Thú y	D01	15.45	TO	4.8	VA	6.5	N1	3.4		1
34	18006524	THÂN BẢO LONG	04/11/2001	Nam	Kinh tế	D01	14.1	TO	5.8	VA	5.75	N1	1.8		1
35	29005344	NGUYỄN THANH LỢI	06/03/2001	Nam	Thú y	D01	15.75	TO	6.2	VA	6.25	N1	2.8		2NT
36	18019288	THÂN THỊ LY	22/04/2001	Nữ	Công nghệ thực phẩm	D01	13.85	TO	4.2	VA	6	N1	3.4		2
37	18000282	NGUYỄN TIẾN MẠNH	27/10/2001	Nam	Quản lý đất đai	A00	20.6	TO	6.6	LI	5.25	HO	6	01	1
38	18006577	NGUYỄN THỊ HỒNG MƠ	15/09/2001	Nữ	Kế toán	D01	18.05	TO	7	VA	5.5	N1	4.8		1
39	18004830	BÙI THỊ HỌA MY	14/01/2001	Nữ	Công nghệ thực phẩm	D01	14.15	TO	3.8	VA	6	N1	3.6		1
40	18008896	LÊ THỊ TRÀ MY	17/09/2001	Nữ	Kế toán	D01	17.05	TO	6.2	VA	6.5	N1	3.6		1
41	18002230	HOÀNG VĂN NAM	17/10/2001	Nam	Thú y	D01	13.55	TO	4.8	VA	5	N1	3		1
42	18002236	DƯƠNG THỊ NGÀ	13/06/2001	Nữ	Kinh tế	D01	18.2	TO	5.4	VA	5.25	N1	4.8	01	1
43	01054519	ĐỖ BÍCH NGỌC	02/08/2001	Nữ	Công nghệ thực phẩm	D01	16.95	TO	7.2	VA	6.5	N1	3		2
44	18019339	HÀ NHƯ NGỌC	11/04/2001	Nữ	Công nghệ thực phẩm	D01	13.05	TO	4.8	VA	5	N1	3		2
45	18012378	NGUYỄN HOÀI NGỌC	27/08/2001	Nữ	Công nghệ thực phẩm	D01	15.2	TO	5.6	VA	6.5	N1	2.6		2NT
46	13003723	PHẠM THỊ BÍCH NGỌC	13/07/2001	Nữ	Khoa học cây trồng	D01	16.85	TO	6	VA	6.5	N1	3.6		1
47	18016368	NGUYỄN QUỲNH NHƯ	25/11/2001	Nữ	Đảm bảo chất lượng và an toàn thực phẩm	D01	14.95	TO	4.2	VA	7	N1	3		1
48	18018775	NGUYỄN THỊ BÍCH PHƯƠNG	08/07/2001	Nữ	Quản lý tài nguyên và môi trường	D01	13.25	TO	5.8	VA	5	N1	2.2		2
49	28027297	NGUYỄN THỊ THU PHƯƠNG	19/05/2001	Nữ	Công nghệ thực phẩm	B00	17.35	TO	6.6	HO	5.25	SI	5		2NT
50	19001852	NGUYỄN ĐỨC QUANG	17/10/2001	Nam	Kinh tế	D01	15.8	TO	6.8	VA	3.75	N1	5		2
51	18001607	TRIỆU THỊ MAI QUỲNH	28/02/2001	Nữ	Kế toán	D01	17.9	TO	5.4	VA	5.75	N1	4	01	1

TT	SBD	Họ tên	Ngày sinh	Giới tính	Tên ngành trúng tuyển	Mã tổ hợp trúng tuyển	Điểm trúng tuyển	Môn 1		Môn 2		Môn 3		Đối tượng	Khu vực
52	18009992	TRẦN THỊ TÂN	20/09/2001	Nữ	Thú y	B00	15.7	TO	6.2	HO	4.25	SI	4.5		1
53	18006796	BÙI THỊ THANH	14/09/2001	Nữ	Kế toán	A01	21.25	TO	8	LI	6.5	N1	6		1
54	18015912	NGUYỄN VĂN THÀNH	08/09/2001	Nam	Thú y	A01	16.45	TO	5.2	LI	4.5	N1	6		1
55	18004402	TRẦN QUANG THÀNH	21/10/2001	Nam	Thú y	A01	15.05	TO	5.8	LI	4.5	N1	4		1
56	18000408	NGỌC THỊ HƯƠNG THẢO	29/08/2001	Nữ	Khoa học cây trồng	D01	14.5	TO	5.4	VA	4.75	N1	3.6		1
57	18015372	NGUYỄN VĂN THẮNG	28/10/2001	Nam	Kinh tế	D01	13.6	TO	5	VA	5.25	N1	2.6		1
58	18014981	ĐỖ THỊ KIM THOA	13/01/2001	Nữ	Kế toán	A00	21.25	TO	7	LI	7.5	HO	6.25		2NT
59	18019501	HOÀNG THỊ THU	08/09/2001	Nữ	Kế toán	D01	13.55	TO	5	VA	5.5	N1	2.8		2
60	18013079	NGUYỄN VĂN THU	08/09/2001	Nam	Khoa học cây trồng	D01	15.6	TO	5	VA	6.25	N1	3.6		1
61	18014998	THÂN NGUYỄN THU THÙY	04/10/2001	Nữ	Kế toán	D01	14	TO	5.2	VA	5.5	N1	2.8		2NT
62	28027399	PHẠM THỊ THƯỜNG	06/08/2001	Nữ	Công nghệ thực phẩm	B00	17.65	TO	6.4	HO	5.5	SI	5.25		2NT
63	18008571	MÃ THỊ HUYỀN TRANG	29/03/2001	Nữ	Kế toán	D01	18.95	TO	5.4	VA	6	N1	4.8	01	1
64	18013106	MAI THỊ THU TRANG	22/08/2001	Nữ	Kế toán	A00	20.25	TO	7	LI	6	HO	6.5		1
65	12008674	NGUYỄN THỊ HUYỀN TRANG	10/05/2000	Nữ	Kinh tế	D01	13.1	TO	3.6	VA	5	N1	4		2NT
66	18005559	NGUYỄN THỊ TRANG	26/11/2001	Nữ	Thú y	D01	19.7	TO	6.8	VA	6.75	N1	5.4		1
67	24003540	PHẠM THỊ QUỲNH TRANG	08/10/2001	Nữ	Khoa học cây trồng	D01	17.75	TO	7.4	VA	7.25	N1	2.6		2NT
68	18010123	VŨ THỊ MINH TRANG	19/11/2001	Nữ	Thú y	B00	14.85	TO	5.6	HO	3.75	SI	4.75		1
69	48026878	TRÀ THỊ TRINH	15/10/2001	Nữ	Thú y	D01	18.45	TO	5	VA	6.5	N1	4.2	01	1
70	27004852	PHẠM VĂN TRƯỜNG	16/01/2001	Nam	Thú y	D01	13.35	TO	4.4	VA	6.25	N1	2.2		2NT
71	18018903	ĐỖ TRỌNG TUẤN	03/05/2001	Nam	Thú y	A00	18.9	TO	6.4	LI	5.75	HO	6.5		2
72	19001996	NGUYỄN VĂN TUYÊN	25/02/2001	Nam	Kinh tế	D01	14.45	TO	5.4	VA	5	N1	3.8		2
73	28027459	HOÀNG ÁNH TUYẾT	13/06/2001	Nữ	Công nghệ thực phẩm	B00	17.95	TO	6.2	HO	5.25	SI	6		2NT
74	18018913	NGUYỄN THỊ TỔ UYÊN	16/10/2001	Nữ	Kế toán	D01	13.65	TO	4.6	VA	5	N1	3.8		2
75	10003121	PHAN THỊ THẢO UYÊN	20/09/2001	Nữ	Thú y	B00	18.7	TO	6.2	HO	4.5	SI	5.25	01	1
76	18004989	PHÙNG THỊ THẢO VÂN	18/04/2001	Nữ	Công nghệ thực phẩm	D01	16.55	TO	4.6	VA	6	N1	5.2		1